**ĐỀ CƯƠNG ĐỊA LÍ 9**

**(Năm học 2019– 2020)**

**BÀI 31: VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**

**I. Vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ:**

-Vùng ĐNB có diện tích 23.550 km2 , gồm 6 tỉnh thành.

- ĐNB giáp Campuchia, vùng Tây Nguyên, DHNTB, ĐBSCL, và vùng biển giàu tiềm năng.

- Ý nghĩa: nhiều thuận lợi cho phát triển kinh tế, giao lưu với các vùng xung quanh và quốc tế

**II. Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:**

**Đặc điểm:** độ cao giảm dần từ tây bắc xuống đông nam, giàu tài nguyên

**+ Thuận lợi:** nhiều tài nguyên để phát triển kinh tế:

**Vùng đất liền**:

**- Đất** : đất badan và đất xám.

**- Khí hậu:** cận xích đạo, nóng ẩm.

- Nguồn sinh thủy tốt .

→ thế mạnh kinh tế: mặt bằng xây dựng tốt, thích hợp trồng cây công nghiệp lâu năm

**Vùng biển:**

- Giàu tiềm năng: dầu khí ở thểm lục địa.

Biển ấm, ngư trường lớn , hải sản phong phú

Gần đường hàng hải quốc tế

Thế mạnh kinh tế: khai thác dầu khí, đánh bắt hải sản, giao thông, dịch vụ, du lịch biển

**+ Khó khăn:** đất liền ít khoáng sản, diện tích rừng ít, nguy cơ ô nhiễm môi trường.

**III. Đặc điểm dân cư xã hội:**

ĐNB là vùng đông dân , mật độ dân số khá cao, tỉ lệ dân thành thị cao nhất cả nước, TPHCM là 1 trong những thành phố đông dân nhất cả nước.

**Thuận lợi**:

- Có lực lượng lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn, người lao đọng có tay nghề cao, năng động.

-Nhiều di tích lịch sử văn hóa có ý nghĩa lớn để phát triển du lịch.

**BÀI 32: VÙNG ĐÔNG NAM BỘ (tt)**

**IV.Tình hình phát triển kinh tế:**

**1. Công nghiệp:**

- CN – XD tăng trưởng nhanh chiếm tỉ trọng lớn nhất trong GDP của vùng (59,3%) năm 2002 và cao hơn cả nước.

- Cơ cấu sxcn cân đối đa dạng: công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, chế biến lương thực thực phẩm.

- Một số ngành công nghiệp hiện đại: dầu khí, điện, cơ khí điện tử, công nghệ cao..

- Khu vực có vốn nước ngoài đầu tư tăng nhanh.

+ Những sản phẩm công nghiệp xuất khẩu chủ lực của vùng: dầu mỏ, thực phẩm chế biến, hàng dệt may, giày dép, cao su

+ Các trung tâm CN lớn: TP. HCM, Biên Hòa, Bà Rịa-Vũng Tàu.

**2. Nông nghiệp:**

+ SX NN chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng giữ vai trò quan trọng

Trồng trọt: ĐNB là vùng trọng điểm cây công nghiệp nhiệt đới của nước ta.

- Cây công nghiệp lâu năm: cao su, hồ tiêu, điều, cà phê…

- Cây CN hàng năm: lạc, đâu tương, mía, thuốc lá…

- Cây ăn quả: chôm chôm, sầu riêng…

+ Ngành chăn nuôi gia cầm gia súc được chú trọng theo phương pháp công nghiệp.

+ ngành nuôi trồng và đánh bắt thuỷ sản đem lại nguồn lợi có tầm quan trọng hàng đầu.

**BÀI 33: VÙNG ĐÔNG NAM BỘ (tt)**

**3. Dịch vụ:**

+ Là khu vực kinh tế phát triển mạnh đa dạng, bao gồm các hoạt động thương mại, du lịch, vận tải, bưu chính viễn thông,.....

+ Thành phố HCM là đầu mối giao thông quan trọng hàng đầu ở ĐNB và cả nước.

+ đNB là địa bàn có sức hút mạnh nhất nguồn đầu tư của nước ngoài .

- ĐNB dẫn đầu cả nước trong hoạt động xuất nhập khẩu:

+ Xuất khẩu: dầu thô, hàng may mặc, thưc phẩm chế biến …

+ Nhập khẩu: máy móc, thiết bị,nguyên liệu cho sản xuất, hàng tiêu dùng cao cấp..

- TPHCM là trung tâm du lịch lớn nhất trong cả nước.

**V.Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam:**

+ Ba trung tâm KT lớn: TP HCM, Biên Hòa, Vũng Tàu tạo thành tam giác công nghiệp mạnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

+ Vùng KT trọng điểm ở phía Nam gồm: TPHCM, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, BR-VT, Tây Ninh, Long An .

**BÀI 35: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**I.Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ**

- Vùng ĐBSCL có diện tích 39.734 km2  gồm 13 tỉnh thành

- Là vùng tận cùng phía Tây Nam của nước ta.

 + Phía B: giáp Campuchia

 + Phía TN: giáp vịnh Thái Lan

 + Phía ĐN: giáp biển Đông

 + Phía ĐB: giáp vùng ĐNB

 → Ý nghĩa VTĐL thuận lợi phát triển kinh tế trên biển, đất liền, mở rộng quan hệ hợp tác, giao lưu kinh tế - văn hóa với các nước khu vực ĐNÁ

**II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**

+ địa hình: thấp và bằng phẳng.

+ Khí hậu: nóng ẩm quanh năm, lượng mưa dồi dào.

+ Đất: diện tích gần 4 tr ha, đất phù sa ngọt 4,2 tr ha, phèn mặn là 2,5 tr ha

+ Sinh vật trên cạn, dưới nước phong phú, đa dạng.

+ Tài nguyên TN có nhiều thế mạnh để phát triển nông nghiệp

+ Tuy nhiên thiên nhiên còn gây nhiều khó khăn cho đời sống và sx của ĐBSCL

**III. Đặc điểm dân cư – xã hội**

+ Là vùng đông dân

+ Số dân: hơn 16,7 tr (2002)

+ Mđds: 425ng/km2

+ Có nhiều dân tộc sinh sống: Người Kinh, Khơme, Chăm, Hoa

Người dân cần cù, năng động thích ứng linh hoạt, nhiều kinh nghiệm sx nn

+ Mặt bằng dân trí chưa cao

**BÀI 36: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (tt)**

**IV. Tình hình phát triển kinh tế**

**1.Nông nghiệp:**

- Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lương thực, thực phẩm lớn nhất của cả nước.

- Lúa đựơc trồng nhiều ở các tỉnh ven sông Tiền, sông Hậu.

- Bình quân lương thực đầu người: 1.066,3kg gấp 2,3 lần trung bình cả nước

- Vùng xuất khẩu gạo chủ lực của nước ta.

- Ngoài ra còn trồng mía đường, rau, đậu.

- Là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước: Xoài, dừa, cam, bưởi ...

+ Nghề nuôi vịt đàn phát triển mạnh

+ Sản lượng thủy sản chiếm hơn 50% tổng sản lượng cả nước. Nghề nuôi trồng thủy sản phát triển, đặc biệt nuôi tôm, cá xuất khẩu đang được phát triển mạnh.

Nghề rừng cũng giữ vị trí quan trọng, đặc biệt rừng ngập mặn ven biển trên bán đảo Cà Mau

**2. Công nghiệp:**

- Tỉ trọng SXCN còn thấp tương đương 20% GDP trong vùng

- CN chế biến LTTP chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu CN (65%)

- Các cơ sở CN tập trung tại các thành phố, thị xã, đặc biệt là Thành phố Cần Thơ

- Gồm các ngành chủ yếu: xuất nhập khẩu, giao thông đường thủy, du lịch.

- Hàng xuất khẩu chủ lực là gạo, thuỷ sản đông lạnh, hoa quả.

- Các trung tâm kinh tế: Tp Cần Thơ, Mỹ Tho, Long Xuyên, Cà Mau.

**BÀI 38: PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN
MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO**

 ***I. Biển và đảo Việt Nam:***

***1. Vùng biển nước ta***

- Có đường bờ biển dài 3260km và vùng biển rộng khoảng 1triệu km2

- Vùng biển bao gồm: Nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa.

- Có 28 tỉnh thành phố giáp biển

***2. Các đảo và quần đảo:***

- Vùng biển Việt Nam có trên 3000 đảo lớn, nhỏ chia thành các đảo ven bờ và các đảo xa bờ.

\* Hệ thống đảo ven bờ có khoảng 2.800 đảo tập trung nhiều ở các vùng biển tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hoà, Kiên Giang.

\* Các đảo xa bờ gồm đảo: Bạch Long Vĩ, Phú quý và 2 QĐ lớn là: Trường sa, Hoàng Sa.

**II. Phát triển tổng hợp kinh tế biển**

**1*. Khai thác nuôi trồng và chế biến hải sản:***

- Vùng biển nước ta giàu nguồn lợi hải sản:

+ Có trên 2000 loài cá trong đó có ≈ 110 loài có giá trị kinh tế.

+ Trên 100 loài tôm 1 số loài có giá trị kinh tế cao.

+ Ngoài ra còn có nhiều loài đặc sản, hải sâm, bào ngư, sò huyết.

-Tổng trữ lượng hải sản ≈ 4triệu tấn cho phép khai thác hàng năm ≈ 1,9triệu tấn. vùng biển gần bờ chỉ có khả năng khai thác ≈ 500nghìn tấn/ năm còn lại là vùng biển xa bờ.

- Tuy nhiên hoạt động của ngành khai thác và nuôi trồng hải sản còn bất hợp lý.

- Hiện nay ngành thuỷ sản đang ưu tiên phát triển khai thác hải sản xa bờ.

**2. Du lịch biển – đảo**

Đang phát triển nhanh trong những năm gần đây

- Phong phú, dọc bờ biển có trên 120 bãi cát dài, rộng, phong cảnh đẹp, thuận lợi xây dựng khu du lịch và nghỉ dưỡng.

- Nhiều đảo ven bờ có phong cảnh kì thú, hấp dẫn khách du lịch. Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên Thế Giới.

- Nhiều bãi tắm đẹp

**BÀI 39: PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN
MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO (tt)**

 **3) Khai thác và chế biến khoáng sản biển:**

- Muối nghề làm muối phát triển từ lâu đời ở vùng ven biển từ B → N đặc biệt ở vùng Nam Trung Bộ.

- Cát trắng, titan

- Dầu khí là nguồn kinh tế biển mũi nhọn, là 1 trong những ngành công nghiệp hàng đầu ở nước ta. Ngành công nghiệp hoá dầu đang được hình thành.

**4) Phát triển tổng hợp giao thông vận tải biển:**

- Cả nước hiện nay có trên 90 cảng biển lớn, nhỏ.

- Các cảng lớn: Sài gòn, Hải Phòng, Đà Nẳng, Nha Trang...

Giao thông vận tải biển đang phát triển mạnh cùng với quá trình nước ta hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

**III. Bảo vệ tài nguyên và môi trường biển đảo**

***1) Sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển – đảo:***

**- Thực trạng:**

+ Diện tích rừng ngập mặn giảm

+ Sản lượng đánh bắt giảm

+ Một số loài có nguy cơ tuyệt chủng

**1.Nguyên nhân:**

+ Ô nhiễm môi trường biển

+ Đánh bắt khai thác quá mức

- Hậu quả: Suy giảm nguồn tài nguyên sinh vật biển. Ảnh hưởng xấu đến du lịch biển

**2. Các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên môi trường biển:**

- Điều tra đánh giá tiềm năng sinh vật tại các vùng biển sâu, đầu tư khai thác hải sản ven bờ.

- Bảo vệ và trồng rừng ngập mặn

- Bảo vệ rạn san hô

- Bảo vệ và phát triển nguồn thủy sản

- Phòng chống ô nhiễm biển

**MỘT SỐ CÂU HỎI THAM KHẢO**

**Câu 1: Vì sao cây cao su được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ?**

**Trả lời:**

- Đất badan và đất xám có diện tích lớn

- Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm, ít bão và gió mạnh

- Người dân có kinh nghiệm trồng và lấy mũ cao su đúng kỹ thuật

- Nhiều cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ rộng lớn

 **Câu 2: Những điều kiện thuận lợi nào làm cho Đông Nam Bộ trở thành vùng sản xuất cây công nghiệp lớn của nước ta?**

**Trả lời:**

Đông Nam Bộ có 4 thế mạnh để phát triển cây công nghiệp đó là:

* Thồ nhưỡng - khí hậu.
* Tập quán và kinh nghiệm sản xuất.
* Cơ sở công nghiệp chế biến.
* Thị trưởng xuất khẩu.

**Câu 3: Tại sao cần ưu tiên phát triển khai thác hải sản xa bờ?**

**Trả lời:**

* Nguồn hải sản ven bờ nước ta đang dần cạn kiệt do tình trạng khai thác quá mức và trái phép.
* Khuyến khích đánh bắt xa bờ nhằm khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi thủy sản nước ta. Đồng thời còn giúp bảo vệ chủ quyền biển đảo nước ta.

**Câu 4: Kể tên 2 quần đảo lớn ở vùng biển nước ta thuộc tỉnh, thành phố nào?**

**Trả lời:**

* Quần đảo Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng.
* Quần đảoTrường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa

**Câu 5: Cho bảng số liệu sau:** Cơ cấu kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh, năm 2002 (%)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng số | Nông, lâm, ngư nghiệp | Công nghiệp – xây dựng | Dịch vụ |
| 100 | 1,7 | 46,7 | 51,6 |

a/ Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh.

b/ Nêu nhận xét.

**Trả lời:**

1. Vẽ biểu đồ:



**b/ Nhận xét:**

Cơ cấu kinh tế của TP Hồ Chí Minh:

- Khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn nhất với 51,6%.

- Khu vực công nghiệp – xây dựng cũng chiếm tỉ trọng khá lớn 46,7%.

- Khu vực nông – lâm – ngư nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ nhất với 1,7%.

⟹ Cơ cấu GDP đã phản ánh trình độ phát triển kinh tế của TP Hồ Chí Minh. Đây là trung tâm kinh tế lớn nhất nước ta

**Câu 6: Cho bảng số liệu sau:**

Dân số thành thị và dân số nông thôn ở Thành phố Hồ Chí Minh (nghìn người)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  NămVùng | 1995 | 2000 | 2002 |
| Nông thôn | 1174,3 | 845,4 | 855,8 |
| Thành thị | 3466,1 | 4380,7 | 4623,2 |

 Vẽ biểu đồ cột chồng thể hiện dân số thành thị và nông thôn ở Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm và nêu nhận xét

**Trả lời:**

- Xử lí số liệu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  NămVùng | 1995 | 2000 | 2002 |
| Nông thôn | 25,3% | 16,2% | 15,6% |
| Thành thị | 74,7% | 83,8% | 84,4% |

**Vẽ biểu đồ:**

****

Biểu đồ dân số thành thị, dân số nông thôn
ở Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm

**Nhận xét:**

- Tỉ lệ dân thành thị cao hơn dân nông thôn qua các năm

- Từ năm 1995 đến 2002, tỉ lệ dân thành thị tăng, tỉ lệ dân nông thôn giảm.